TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:199/2018/HSST
Ngày: 10-10-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG – TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cư.

2. Ông Đào Duy Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở TAND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 185/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2018/ QĐXXST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến N, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn TH, xã QH, huyện QP, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.Con ông Nguyễn Tiến Đ (đã chết) và bà Đào Thị Ng. Có vợ là Nguyễn Thị Ngọc T.Có 01 con trai sinh năm 2014.

Tiền án:

- Bản án số 02/2013/HSST ngày 02/01/2013 của TAND huyện QP, tỉnh Thái Bình xử phạt 9 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản",trị giá tài sản chiếm đoạt 2.650.000đ. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/6/2013.

- Bản án số 20/2014/HSST ngày 27/02/2014 của TAND huyện QP, tỉnh Thái Bình xử phạt 1 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", phạm tội ngày 04/11/2013 và 17/11/2013, trị giá tài sản chiếm đoạt 19.850.000đ. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/11/2014.

- Bản án số 23/2015/HSST ngày 28/05/2015 của TAND huyện KX, tỉnh Thái Bình xử phạt 3 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" , phạm tội ngày

25/01/2015, trị giá tài sản chiếm đoạt 3.900.000đ. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/01/2018. Tái phạm nguy hiểm-Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị giam trong vụ án khác theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 345 ngày 09/05/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Gia Lộc - tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại*:* Ông Trần Quốc D, sinh năm 1958 và bà Mai Thị S(vợ ông D), sinh năm 1960. Đều cư trú: Số 2/229 ĐBP, phường BH, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ông Trần Quốc D ủy quyền cho bà Mai Thị S đại diện, bà S có mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng*:* Cụ Chu Thị Q, sinh năm 1933. Nơi cư trú: Số 2/229 ĐBP, phường BH, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7h ngày 10/4/2018, Nguyễn Tiến N đi bộ trên đường ĐBP, phường BH, TP. Hải Dương mục đích có ai sơ hở thì trộm cắp, khi đến nhà số 2/299 ĐBP của gia đình bà Mai Thị S và ông Trần Quốc D đang tổ chức tang lễ. N trà trộn vào đoàn người đưa tang, đi vào trong nhà thấy không có ai. N lên tầng hai vào phòng của vợ chồng bà S ông D. N thấy có 01 tủ quần áo bằng gỗ, ngăn bên phải (theo hướng từ ngoài nhìn vào) được khóa bằng khóa chìm. N lấy 01 thanh sắt dài khoảng 20cm ở góc nhà sau cánh cửa phòng, cạy hai cánh tủ làm bung khóa. N lục soát chiếc túi xách bằng da màu vàng, bên trong có 70.000.000 đồng (là tiền của vợ chồng bà S). N lấy hết tiền rồi đi xuống tầng một thì gặp bà Chu Thị Q (là mẹ chồng bà S) từ ngoài cửa đi vào. N giả vờ ôm bụng kêu đau và đi ra ngoài. Bà Q nghĩ là người viếng đám ma nên không nói gì. Số tiền trộm cắp được N đã chi tiêu hết. Ngày 05/5/2018, N trộm cắp tại xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương bị bắt và khai nhận đã trộm cắp tại gia đình bà S.

Vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với thanh sắt N dùng để cạy phá tủ N đã vứt đi không nhớ vị trí nên không thu giữ được.

Vợ chông ông Trần Quốc D và bà Mai Thị S yêu cầu N phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 70.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số:194/CT-VKSTPHD ngày 11/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Tiến N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Tiến N thành khẩn khai nhận toàn bộ các hành vi phạm tội của mình đã thực hiện như lời khai tại Cơ quan điều tra, xác

định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu là đúng.

Người bị hại ông Trần Quốc D và bà Mai Thị S do bà S đại diện xác định số tiền gia đình bị trộm cắp là 70.000.000đồng và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 70.000.000đồng ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến N phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến N từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến N phải bồi thường cho vợ chồng Trần Quốc D và bà Mai Thị S số tiền 70.000.000đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật, mong Tòa xử cho bị cáo mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp đúng pháp luật.

[2] Về tội danh và điều khoản áp dụng: Lời khai thú nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra; Lời khai của người bị hại; lời khai của người làm chứng; Đơn trình báo của người bị

hại; Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ và cơ sở kết luận: Khoảng 07h00 ngày 10/4/2018, tại gia đình ông Trần Quốc D và bà Mai Thị S, địa chỉ số 2/299 ĐBP, P. BH, TP. Hải Dương, Nguyễn Tiến N dùng thanh sắt dài khoảng 20cm cạy phá khoá tủ quần áo ở phòng ngủ tầng hai chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)*.

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động lại muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2015/HSST ngày 28/05/2015 của TAND huyện KX, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm". Bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án nêu trên nay lại phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm". Bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị 70 triệu đồng (trên 50.000.000đồng) nên bị cáo phải chịu 02 tình tiết định khung theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Tiến N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương, bị cáo đã bôn tập từ địa phương này đến địa phương khác và ngang nhiên đột nhập và gia đình bị hại sau đó lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách tinh vi tại gia đình người bị hại đang tổ chức đám ma. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, bất chấp tất cả động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là vì vụ lợi cá nhân. Do đó cần phải áp dụng hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã nhiều lần bị kết án chưa được xóa án tích nay lại cố ý phạm tội chứng tỏ bị cáo là đối tượng khó cải tạo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do các tình tiết đã được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng theo khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mặt khác quá trình điều tra vụ án xảy ra tại Gia Lộc, bị cáo đã tự thú khai nhận ra hành vi phạm tội của mình ngày 10/4/2018 mà chưa bị phát hiện đây là những tình tiết giảm nhẹ

được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do đó Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiên sự nhân đạo của pháp luật. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/HSST ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đã xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến N 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản tuy nhiên đến nay bản án này chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không phải tổng hợp hình phạt của hai bản án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, tài sản riêng và không có nguồn thu nhập nào khác nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 70.000.000đồng bị cáo trộm cắp của vợ chồng ông D và bà S bị cáo đã tiêu sài hết. Nay ông D, bà S yêu cầu bị cáo phải bồi thường trả số tiền đã chiếm đoạt là 70.000.000đồng là có căn cứ phù hợp pháp luật cần chấp nhận theo quy đinh tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự.

[7] Về vật chứng: Đối với thanh sắt N dùng để cạy phá tủ khi thực hiện hành vi trộm cắp N đã vứt đi không nhớ vị trí, không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 135, Khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến N **03** (ba) năm **03** (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến N phải bồi thường cho vợ chồng ông Trần Quốc D và bà Mai Thị S tổng số tiền đã chiếm đoạt là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bị hại; Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Dương;
- CQTHAHS Công an TP. Hải Dương;
- TAND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh HD;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND xã QH, huyện QP, tỉnh Thái Bình.
- Phòng HSNVCS công an tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP;- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Quang Minh